

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ – ST

Ngày 20-3-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Linh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Ba và bà Bùi Thị Hảo

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Phạm Hoài Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Bình Sơn về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 12/2025/HNGĐ – QĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị M, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm C, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Trần Phước T, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, Thành phố Cần Thơ; chỗ ở hiện nay: Số F đường N, ấp A, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 17-7-2024 và quá trình tố tụng tại Toà án, chị Cao Thị M là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị M và anh Trần Phước T tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống trước đó nhưng đến ngày 05-6-2017 thì hai vợ chồng mới đến Ủy ban nhân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn

số 44 ngày 05-6-2017. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng về sau liên tục phát sinh mâu thuẫn do khác nhau về lối sống, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, tranh cãi ngày càng nhiều hơn, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, không còn quan tâm đến nhau và sống ly thân từ khoảng năm 2022 cho đến nay. Nay chị M nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Phước T.

- Về con chung: Chị Cao Thị M xác định, chị và anh Trần Phước T có 01 con chung là Trần Huỳnh Hữu P, sinh ngày 17-9-2017. Khi ly hôn, chị M yêu cầu giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi và chị M không yêu cầu anh Trần Phước T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định, chị và anh Trần Phước T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 21-10-2024 anh Trần Phước T là bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Cao Thị M tự nguyện tìm hiểu một thời gian, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05-6-2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều quan điểm khác nhau về cách sống, ít quan tâm đến nhau, mặc dù sống chung nhà nhưng cả hai không thể nói chuyện tâm sự chia sẻ với nhau được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã sống ly thân từ khoảng năm 2022 cho đến nay. Nay chị M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh T xác định, anh T và chị Cao Thị M có 01 con chung là Trần Huỳnh Hữu P, sinh ngày 17-9-2017 hiện nay đang sống cùng với chị M. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định, anh T và chị Cao Thị M không có tài sản chung và không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên toà:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Áp dụng Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật

hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận việc ly hôn giữa chị Cao Thị M và anh Trần Phước T; về con chung: Giao con chung Trần Huỳnh Hữu P cho chị M trực tiếp nuôi; về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh T xác định không có nên không đặt vấn đề giải quyết; về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Cao Thị M khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Nguyên đơn chị Cao Thị M, cư trú tại: Xóm C, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, bị đơn anh Trần Phước T nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, Thành phố Cần Thơ; chỗ ở hiện nay: Số F đường N, ấp A, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, anh T và chị M tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi nguyên đơn cư trú giải quyết, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Cao Thị M và anh Trần Phước T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, chị M và anh T đã sống ly thân từ năm 2022, không còn chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng của chị M và anh T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay Chị Cao Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Phước T là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Cao Thị M và anh Trần Phước T có 01 con chung là Trần Huỳnh Hữu P, sinh ngày 17-9-2017. Khi ly hôn, chị M và anh T1 đều thống nhất giao con chung Trần Huỳnh Hữu P cho chị Cao Thị M trực tiếp nuôi, cháu Trần

Huỳnh Hữu P cũng có nguyện vọng được ở với chị M, đồng thời hiện cháu P đang ở cùng chị M và học tập tại Trường tiểu học xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M giao con chung Trần Huỳnh Hữu P cho chị Cao Thị Mỹ T2 trực tiếp nuôi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh T đều xác định không có nên không giải quyết.

[2.5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Cao Thị M là nguyên đơn phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị M đã nộp tạm ứng án phí nên được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp theo biên lai thu số 0003210 ngày 03-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Chị Cao Thị M và anh Trần Phước T được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.7] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9 và các điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình

Đ a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị M:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị M được ly hôn anh Trần Phước T.

2. Về con chung: Chị Cao Thị M và anh Trần Phước T có 01 con chung là Trần Huỳnh Hữu P sinh ngày 17-9-2017. Giao con chung là Trần Huỳnh Hữu P sinh ngày 17-9-2017 cho Cao Thị M trực tiếp nuôi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cao Thị M không yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi cần thiết, một trong các bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị M và anh Trần Phước T đều xác định không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị Cao Thị M có nghĩa vụ chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp theo biên lai thu số 0003210 ngày 03-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh

